

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2024

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân T. phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hình – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn T; nơi cư trú: Nhà số 8/72 đường T1, phường T1, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L; nơi cư trú cuối cùng: Nhà số 8/72 đường T1, phường T1, quận KA, thành phố Hải Phòng (hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ); vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 13 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phùng Văn T trình bày:

Ông T và bà L quen biết nhau rồi tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, quận KA, thành phố Hải Phòng ngày 15/5/2006. Trước khi kết hôn với ông T, bà L đã có một đời chồng (đã chết) và có 2 con riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng sinh 01 con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 18/9/2006. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn một thời gian do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng dần xa cách về tình cảm, bà L đã chủ động ly thân và ra nước ngoài sinh sống từ năm 2017 đến nay không rõ địa chỉ (nghe nói là đang ở Cộng hòa L bang Đức), sau đó thì con gái Phùng Thị Tuyết Mai cũng đi theo mẹ. Từ đó đến nay ông T và bà L không còn liên lạc quan tâm, thăm hỏi nhau, ông T chỉ biết thỉnh thoảng bà L có gọi điện thăm hỏi mẹ đẻ và 2 con riêng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng xa cách đã lâu không thể hàn gắn nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

Về con chung: Cháu Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 18/9/2006 đến nay đã gần 18 tuổi và hiện đang ở với mẹ ở nước ngoài nên ông T đề nghị giao cháu Mai cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Việc đóng góp nuôi con ông T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu người thân của bị đơn cung cấp địa chỉ nơi ở của bà Nguyễn Thị Thu L. Gia đình bà L xác nhận bà L đang ở nước ngoài cùng con gái Phùng Thị Tuyết Mai có biết và đồng ý việc ly hôn nhưng không gửi ý kiến trình bày và không cung cấp địa chỉ theo yêu cầu của Tòa án.

- Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà L không có mặt và các đương sự cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt do cư trú ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T với bà L; giao con chung là Phùng Thị Tuyết Mai cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung và quan hệ tài sản chung không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con chung, đương sự là người Việt Nam có nơi cư trú cuối cùng tại Hải Phòng, hiện đã ra nước ngoài sinh sống từ năm 2017 nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu L đang ở nước ngoài nhiều năm không trở về Việt Nam; gia đình bị đơn không cung cấp địa chỉ cụ thể, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho gia đình bị đơn; nguyên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, quận KA, T phố Hải Phòng ngày 15/5/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng ly thân và bà L đã ra nước ngoài sinh sống từ năm 2017 không về nước, không L lạc quan tâm, thăm hỏi nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T có đơn xin ly hôn do bị bỏ lửng trong nước gần 10 năm qua là đúng với tình trạng thực tế và xét mối quan hệ vợ chồng là không thể hàn gắn; căn cứ quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T xin cho ly hôn với bà L.

[4] Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là Phùng Thị Tuyết Mai, sinh ngày 18/9/2006 hiện đã theo mẹ ra nước ngoài nên việc ông T đề nghị giao cháu Mai cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Do không biết địa chỉ cụ thể của bà L và cháu Mai ở đâu nên trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông T tạm thời không đặt ra.

[5] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu chia tài sản chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu L;

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 18/9/2006 cho bà Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời không đặt ra vấn đề giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Phùng Văn T.

3. Về tài sản chung: Ông Phùng Văn T không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000160 ngày 02/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Ông Phùng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Bà Nguyễn Thị Thu L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường T1, quận KA, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Minh Hạnh